

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 209/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1971. Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Giang N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hai ông bà được tự do tìm hiểu, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện; sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn diễn ra ngày một trầm trọng; theo bà Lê Thị Ng trình bày:

Nguyên nhân là do ông Hoàng Giang N thường xuyên uống rượu, không chịu “tu chí làm ăn”. Mỗi khi uống rượu say, ông Hoàng Giang N thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà Lê Thị Ng (tát, đánh, đập hơn chục lần), dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân kể từ ngày 20/5/2020 đến nay, bà Lê Thị Ng chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; do lo sợ bị chồng tìm gặp, đánh đập và thuận tiện cho công việc nên bà Ng đã chuyển đến ở trọ tại xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; nay bà Lê Thị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể giải quyết nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung; vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 31/7/2010, kể từ ngày 20/5/2020 cho đến nay con chung đang ở cùng mẹ tại thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và đang học lớp 7A2 tại trường Trung học cơ sở thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, bà Lê Thị Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị L cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông Hoàng Giang N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà Lê Thị Ng đang làm phụ hồ cho Công ty TNHH Vận tải – xây dựng T trên địa bàn xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có mặt tại phiên tòa, sau khi kết thúc thủ tục kiểm tra căn cước, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, giải thích quyền và nghĩa vụ cho các đương sự; tuy nhiên bị đơn vi phạm nội quy phiên tòa, không tuân theo sự điều khiển phiên tòa của Thẩm phán chủ tọa với lý do tự và trình bày về việc đã uống rượu vào buổi trưa cùng ngày (26/12/2022), sau đó tự ý rời khỏi phòng xét xử, không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tiến hành lập biên bản sự việc có xác nhận của nguyên đơn, lực lượng bảo vệ phiên tòa và những người tham dự phiên tòa.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hoàng Giang N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn theo bà Lê Thị Ng trình bày là đúng, sau khi kết hôn đến khoảng đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân ông nghi ngờ bà Lê Thị Ng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không đưa ra được căn cứ. Vợ chồng đã ly thân kể từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, nay bà Lê Thị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Hoàng Giang N hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 31/7/2010. Khi ly hôn, ông Hoàng Giang N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và

không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Ng hiện nay đang đi ở trọ nên không đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Thị L có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ là bà Lê Thị Ng.

Kết quả xác minh của Tòa án tại thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Hoàng Giang N lười lao động, thường xuyên rượu chè rồi về nhà đánh đập vợ con, dẫn đến bà Ng không chịu đựng được phải bỏ nhà đi. Vợ chồng ông N, bà Ng đã ly thân từ khoảng tháng 5/2020 đến nay. Trước đây, ông N làm bảo vệ cho một xưởng gỗ bóc ở cạnh nhà, tuy nhiên từ đầu năm 2021, ông N đã nghỉ việc. Khoảng 4 tháng gần đây, ông N chuyển sang làm nghề “xe ôm”, thu nhập không ổn định. Ông Hoàng Giang N thuộc diện hộ nghèo từ khoảng 7-8 năm nay. Hiện nay, cháu L đã đi theo mẹ, không ở cùng ông Hoàng Giang N và cũng không sinh sống, học tập trên địa bàn xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N. Bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị L cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông Hoàng Giang N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lê Thị Ng có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Hoàng Giang N có nơi cư trú tại thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Hoàng Giang N lười lao động, thường xuyên uống rượu rồi về nhà đánh đập vợ con, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, luôn căng thẳng. Bà Lê Thị Ng đã phải bỏ nhà về ở cùng bố mẹ đẻ sau đó 02 mẹ con chuyển về Bắc Giang sinh sống, làm việc cho đến nay. Mặc dù vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay nhưng ông Hoàng Giang N không thể hiện thiện chí, tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, bồi đắp tình cảm để đoàn tụ trong khi mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau.

[3] Thấy rằng, đời sống chung vợ chồng giữa bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Lê Thị Ng nhất quyết giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, còn tại các bản khai, biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Giang N đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại và nhất trí ly hôn; do vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung; nguyên đơn và bị đơn đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị L. Thấy rằng, hiện tại cháu Hoàng Thị L đang sinh sống cùng mẹ là bà Lê Thị Ng tại thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ tháng 5/2020 đến nay và học tập tại trường Trung học cơ sở thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bản thân bà Lê Thị Ng đang làm phụ hồ cho Công ty TNHH Vận tải – Xây dựng T trên địa bàn xã Y, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng (có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động) nên cơ bản đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Trong khi đó, theo kết quả xác minh thì ông Hoàng Giang N thường xuyên uống rượu rồi về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, thu nhập không ổn định và thuộc diện hộ nghèo từ khoảng 7-8 năm nay nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung phát triển bình thường như những đứa trẻ khác.

[5] Việc nhận trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai vợ chồng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Thị L (hiện được 12 tuổi); do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao con chung cho người mẹ nuôi dưỡng. Ông Hoàng Giang N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Ng

không có yêu cầu. Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền thỏa thuận hoặc đề nghị Tòa án thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và khoản nợ chung : Đương sự tự xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bên thuận tình ly hôn nên chỉ phải chịu 50% mức án phí không có giá ngạch, tương ứng mỗi đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm đề nộp Ngân sách nhà nước.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân : Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ng với ông Hoàng Giang N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01, đăng ký ngày 27/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung: Bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N có 01 con chung là cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 31/7/2010.

Khi ly hôn, bà Lê Thị Ng có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị L cho đến khi con chung trưởng thành, đủ

18 tuổi; ông Hoàng Giang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông Hoàng Giang N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do bà Lê Thị Ng không có yêu cầu).

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí. Bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Giang N mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bà Lê Thị Ng đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004387 ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; sau khi khấu trừ, bà Lê Thị Ng được hoàn trả số tiền 225.000đ (hai trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã S, h.H, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Cường